

Bản án số: 20/2019/DS-PT

Ngày: 22-02-2019

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Phạm Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hoàng K, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt

- *Bị đơn:* Ông Hà Ngọc T, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp Q, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Kim L, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt

2. Bà Hà Thị Kim A, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Ông Châu Hữu T1, sinh năm 1958; cư trú tại: khu phố L, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 01-12-2017); có mặt

3. Chị Phạm Thị Phương T2, sinh năm 1981; anh Trần Thanh H, sinh năm 1987; anh Phạm Lê Phước T3, sinh năm 1991; cùng cư trú tại: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt

4. Anh Phạm Quang T4, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp L1, xã L2, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt

5. Bà Đinh Thị B, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp Q, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt

6. Chị Hà Thị Mộng T5, sinh năm 1981; cư trú tại: Phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt

7. Chị Hà Thị Mộng T6, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp B, xã B1, huyện C1, tỉnh Tiền Giang; vắng mặt

8. Anh Hà Minh T7, sinh năm 1986; chị Hà Thị Thanh T8, sinh năm 1989; anh Hà Minh T9, sinh năm 1992; cùng cư trú tại: Ấp Q, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; đều vắng mặt

- Người kháng cáo: Ông Phạm Hoàng K (nguyên đơn) và bà Hà Thị Kim A (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Phạm Hoàng K trình bày:

Cha, mẹ của ông là cụ Hà Văn T10 (sinh năm 1925, chết năm 2003) và cụ Phạm Thị S (sinh năm 1925, chết năm 2013) sinh thời có 03 người con chung là: Ông Hà Ngọc T, ông Phạm Hoàng K và bà Hà Thị Kim A. Ngoài ra, cha, mẹ ông không có người con nuôi, con riêng nào khác. Cha, mẹ ông chết không để lại di chúc. Vào khoảng năm 1997, cha, mẹ ông có chia tài sản cho các con như sau:

- Ông T được chia một phần đất ngang khoảng 24 m đất mặt tiền, giáp đường tỉnh lộ 6 (nay là đường tỉnh lộ 787 nhựa), chiều dài không rõ. Tuy nhiên, sau đó ông T gặp khó khăn nên cha, mẹ ông đã bán và giao tiền lại cho ông T xong.

- Ông được chia một phần đất ngang 17 m đất mặt tiền, giáp đường tỉnh lộ 6, chiều dài không rõ, giáp ranh với phần đất hình tam giác đang tranh chấp. Trên đất có căn nhà chữ đinh của cha, mẹ. Ông đã kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2006. Sau đó, ông đã chuyển nhượng cho người khác một phần đất ngang 05 m giáp mặt tiền đường tỉnh lộ 6, phần còn lại ông đang quản lý, sử dụng.

- Bà A được cha, mẹ chia chia một phần đất ngang khoảng 20 m đất mặt tiền, giáp đường tỉnh lộ 6. Khi bà A gặp khó khăn, cha mẹ ông đã bán phần đất này và giao tiền lại cho bà A xong.

Đối với phần đất đang tranh chấp tại thửa số 91, trước đây cha, mẹ ông đã hứa cho ông phần đất này. Riêng phần đất tranh chấp tại thửa 66, cha mẹ cũng hứa cho ông nhưng kèm theo điều kiện nếu cha mẹ bệnh nặng thì ông bán để lo chi phí điều trị cho cha, mẹ vì ông là người sống chung cha, mẹ. Do đó, ông không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa số 91 và thửa 66. Việc cha, mẹ chia đất cho anh em ông không lập thành văn bản nhưng cha mẹ có chỉ ranh đất cho từng người sử dụng (các phần đất được chia liền ranh nhau và cùng tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh).

Tính đến ngày mẹ ông chết thì cha, mẹ ông để lại tài sản gồm:

- Một phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 444,1 m², thuộc thửa 91, 66, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, hiện do ông T đang sử dụng. Trong đó, thửa đất số 91 cha ông có đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không có giấy tờ; thửa đất số 66 tính đến nay không có ai đăng ký quyền sử dụng đất. Từ trước năm 2015, 02 thửa đất tranh chấp vẫn để trống không ai sử dụng, đến năm 2015, ông T sử dụng hai thửa đất trên đến nay. Năm 2017, ông T có đổ đất trên thửa đất số 91.

- Ngoài ra, cha mẹ ông còn để lại các tài sản gồm: Một căn nhà chữ đinh, 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 li văng bằng gỗ, 02 bộ ván gỏ hiện do ông đang quản lý, sử dụng.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông T chia cho ông được hưởng phần đất tại thửa 91 và thửa 66 vì trước đây cha, mẹ ông đã hứa cho ông hai thửa đất này. Ông không đồng ý bồi thường giá trị 05 xe đất là 6.000.000 đồng mà ông T đã đổ trên thửa số 91 vì ông T tự ý đổ đất khi đã có tranh chấp đến Ủy ban nhân dân xã A.

Về căn nhà chữ đinh, 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 li văng bằng gỗ, 02 bộ ván gỏ là di sản của cha, mẹ để lại nhưng dùng để thờ cúng, ông không đồng ý chia thừa kế trong vụ án này theo yêu cầu của ông T, bà A.

Bị đơn - ông Hà Ngọc T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của ông K về họ, tên cha mẹ, các anh chị em ông và tài sản do cha, mẹ để lại là đúng. Cha, mẹ ông chết không để lại di chúc. Ông K trình bày cha, mẹ có chia đất cho các con như ông K trình bày nhưng chia khoảng năm 1982 hay năm 1984, không phải chia năm 1997. Tuy nhiên, cha mẹ ông đã chia cho ông một phần đất ngang khoảng 24 m đất mặt tiền, giáp đường tỉnh lộ 6 là có bao gồm luôn cả thửa đất 91 mà ông K đang tranh chấp, nhưng do thửa đất này có

hình dạng không đảm bảo để xây nhà nên bán không được vì vậy vẫn còn lại đến nay. Diện tích đất ông được chia thì cha, mẹ đã bán và giao tiền lại cho ông như ông K trình bày.

Đối với phần đất tại thửa số 66, tờ bản đồ số 24 đang tranh chấp là của cha mẹ cho ông từ năm 1984, khi cho đất không có làm giấy tờ. Do làm ăn thất bại nên ông bỏ đi Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, đến năm 2015 ông mới trở về tiếp tục sử dụng đất cho đến nay. Năm 2017, ông có đổ 05 xe đất trị giá 6.000.000 đồng trên thửa đất số 91.

Nay ông đồng ý nhập phần đất tại thửa số 91 và thửa 66 vào các di sản khác của cha, mẹ để lại gồm: Căn nhà chữ đình, 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 li văng bằng gỗ, 02 bộ ván gỗ do ông K quản lý để chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Cụ thể, ông yêu cầu được chia 01 phần thừa kế theo quy định của pháp luật đối với các di sản do cha, mẹ ông để lại và yêu cầu được chia theo hiện trạng đất thực tế để ông cho con ông cất nhà. Ông yêu cầu Tòa án khấu trừ 6.000.000 đồng trị giá của 05 xe đất mà ông đã đổ vào năm 2017 trên thửa số 91 cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Kim L trình bày: Bà là vợ của ông K, bà thông nhất, đồng ý với lời trình bày và yêu cầu yêu cầu ông K.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Hà Thị Kim A – ông Châu Hữu T1 trình bày: Ông thông nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ huyết thống và các di sản thừa kế mà cụ T10 và cụ S để lại là đúng. Cụ T10, cụ S chết không để lại di chúc. Nay bà A yêu cầu được chia 01 phần di sản thừa kế do cụ T10 và cụ S để lại theo quy định pháp luật nhưng bà A yêu cầu được nhận căn nhà chữ đình và một số vật dụng khác trong nhà đang tranh chấp.

Chị Phạm Thị Phương T2 trình bày:

Chị là con của ông K và bà L, chị không đồng ý chia thừa kế cho ông T, bà A đối với các tài sản của cụ T10, cụ S để lại do ông K, bà L đang quản lý gồm: 01 nhà chữ đình, 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 li văng bằng gỗ, 02 bộ ván gỗ.

Anh Trần Thanh H trình bày: Anh là chồng của chị Phạm Thị Phương T2, hiện tại anh đang sống cùng hộ khẩu cha, mẹ vợ là ông K và bà L. Các tài sản gồm: 01 nhà chữ đình, 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 li văng bằng gỗ, 02 bộ ván gỗ là của gia đình bên vợ, anh không đóng góp vào việc tạo lập tài sản. Việc tranh chấp do cha, mẹ vợ quyết định. Anh không có ý kiến gì.

Anh Phạm Lê Phước T3 trình bày: Anh là con của ông K và bà L, anh không đồng ý chia thừa kế cho ông T, bà A đối với các tài sản của cụ T10, cụ S để lại do

ông K, bà L đang quản lý gồm: 01 nhà chữ đình, 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 li văng bằng gỗ, 02 bộ ván gỗ.

Anh Phạm Quang T4 trình bày: Anh là con của ông K và bà L, anh không đồng ý chia thừa kế cho ông T, bà A đối với các tài sản của cụ T10, cụ S để lại do ông K, bà L đang quản lý gồm: 01 nhà chữ đình, 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 li văng bằng gỗ, 02 bộ ván gỗ.

Bà Đình Thị B trình bày: Bà là vợ của ông T. Bà không đồng ý chia thừa đất tranh chấp tại thửa 91 và thửa 66 theo yêu cầu khởi kiện của ông K.

Chị Hà Thị Mộng T5, chị Hà Thị Mộng T6, anh Hà Minh T7, chị Hà Thị Thanh T8, anh Hà Minh T9 trình bày thống nhất: Các anh, chị là con của ông T và bà Bé. Các anh, chị không đồng ý chia thừa đất tranh chấp tại thửa 91 và thửa 66 theo yêu cầu khởi kiện của ông K.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 612, 623, 649, 650, 651, 658, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật đất đai; khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng K về việc “tranh chấp thừa kế tài sản” đối với ông Hà Ngọc T.

2. Buộc ông Hà Ngọc T và bà Đình Thị B giao cho ông Phạm Hoàng K một phần đất diện tích 321,6 m², thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 24 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, thuộc loại đất trồng cây lâu năm, xã loại 2, vị trí 1 ven khu dân cư, trị giá 249.835.603 đồng. Đất có tứ cận:

- + Phía Đông giáp đất ông E, dài 21,84 m;
- + Phía Tây giáp đất ông K, dài 23,9 m;
- + Phía Nam giáp đất ông P, dài 16,82 m;
- + Phía Bắc giáp đất ông T1, dài 11,55 m.

Ông K được sở hữu các tài sản gắn liền với đất gồm: 01 bụi tre mạnh tông khoảng 40 cây; 01 cây mít đường kính 10 cm (03 năm tuổi); chuối khoảng 10 cây; tầm vông khoảng 100 cây; 01 cây hồng quân trên 10 năm tuổi (đường kính 30 cm); 01 cây lồng mứt đường kính 20 cm; 02 cây lồng mứt đường kính mỗi cây 30 cm; 01

cây mắ đường kính 10 cm; 01 cây lồng mút đường kính 10 cm; 01 cây vú sữa đường kính 20 cm (10 năm tuổi).

2.1. Ông K được quyền sở hữu các tài sản ông đang quản lý gồm:

+ 01 căn nhà chữ đình xây năm 1970 diện tích 94,9 m², trị giá 67.900.950 đồng.

+ 01 li văng bằng gỗ, trị giá 10.000.000 đồng.

+ 02 bộ ván gỗ, trong đó 01 bộ ván 03 tấm, trị giá 1.150.000 đồng;

+ 01 bộ ván 02 tấm, trị giá 7.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chia cho ông Phạm Hoàng K là 336.386.103 (Ba trăm ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn một trăm linh ba) đồng.

2.2. Giao cho ông K tiếp tục quản lý 01 tủ thờ bằng gỗ, trị giá 7.500.000 đồng.

2.3. Buộc ông Phạm Hoàng K phải thanh toán lại cho ông Hà Ngọc T, bà Hà Thị Kim A số tiền chênh lệch chia tài sản như sau:

- Buộc ông K thanh toán cho ông T số tiền 45.473.000 (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn) đồng;

- Buộc ông K thanh toán cho bà A số tiền 134.637.500 (Một trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

2.4. Ông Hà Ngọc T được quyền sử dụng phần đất diện tích 122,5 m² (trong đó có 57 m² nằm trong lộ giới quy hoạch), thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 24 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, thuộc loại đất trồng cây lâu năm, vị trí ven đường 787, xã loại 2 do ông T đang quản lý, sử dụng. Đất trị giá 95.164.370 đồng.

Ông T được quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất gồm: 01 cây lồng mút đường kính 30 cm; 01 cây lồng mút đường kính 20 cm; 01 cây lồng mút đường kính 15 cm; 01 cây bưởi khoảng 10 năm tuổi. Tổng giá trị tài sản chia cho ông T là 140.637.370 (Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi) đồng.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tổng giá trị tài sản chia cho bà A là 134.637.500 (Một trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng, do ông K thanh toán cho bà A.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật Thi hành án Dân sự.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, nguyên đơn là ông Phạm Hoàng K có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, không đồng ý chia các di sản do cụ T10 và cụ S để lại gồm: 01 căn nhà chữ đình, 01 tủ thờ, 02 bộ ván, 01 ly quăng do ông đang quản lý và sử dụng.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị Kim A có đơn kháng cáo, yêu cầu chia đều giá trị căn nhà chữ đình, 01 tủ thờ, 01 ly quăng, 01 bộ ván hai tấm và 01 bộ ván ba tấm thành ba phần bằng nhau cho ông T, ông K và bà mỗi người hưởng một phần, phần bà yêu cầu được nhận 01 ly quăng và 01 bộ ván hai tấm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Hoàng K trình bày ý kiến: Trên Tờ di chúc mà mẹ ông (bà Phạm Thị S) để lại tài sản cho em gái ông (là bà Hà Thị Kim A), có nêu việc cha mẹ khi còn sống đã chia tài sản là đất cho các con, trong đó có cho ông 01 căn nhà ngôi xưa, toàn bộ vật dụng trong nhà và cây trái xung quanh đất ông ở và thực tế ông đã nhận các tài sản này và quản lý, sử dụng từ đó đến nay. Do vậy, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chia thừa kế đối với các tài sản này. Riêng phần đất thửa 66 mà bản án sơ thẩm đã chia cho ông và buộc ông có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản được hưởng cho ông T, bà A thì ông không có khả năng, ông đề nghị giao phần này cho bà A, vì đất bà A cũng giáp ranh phần đất thửa 66 này. Phần đất thửa 91 giao cho ông T thì ông không có ý kiến.

Ý kiến của ông Hà Ngọc T tại phiên tòa phúc thẩm: Về căn nhà và các vật dụng cha mẹ để lại là vật kỷ niệm và để thờ cúng ông bà, cha mẹ, nhưng hàng năm ông K đóng cửa không cho anh em về thắp nhang, cúng giỗ nên mới xảy ra tranh chấp. Nếu ông K thực hiện việc cúng giỗ ông bà, cha mẹ và mở cửa để anh em về thì ông đồng ý để cho ông K quản lý, sử dụng nhà và các vật dụng nêu trên. Về phần đất thửa 66, nếu bà A đồng ý nhận thì ông cũng không có ý kiến phản đối.

Ý kiến của ông Châu Hữu T1 (đại diện theo ủy quyền của bà A): Ông thống nhất với ý kiến ông T về căn nhà và các vật dụng khác. Riêng phần đất thửa 66 nếu ông K không nhận thì bà A đồng ý nhận và sẽ hoàn lại giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế cho người được hưởng thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự ông K, ông T, ông T1 (đại diện cho bà A) thống nhất thỏa thuận: Ông K được quản lý, sử dụng nhà và các vật dụng khác gồm 01 tủ thờ bằng gỗ; 01 li văng bằng gỗ; 01 bộ ván gỏ 03 tấm và 01 bộ ván gỏ 02 tấm; các đương sự không tranh chấp các tài sản này. Đối với phần đất thửa 66

các đương sự thống nhất giao cho bà A được quyền sử dụng, bà A có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận này không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cụ Hà Văn T10, sinh năm 1924, chết năm 2003 và cụ Phạm Thị S, sinh năm 1925, chết năm 2013, sinh thời có 03 người con gồm: Ông Hà Ngọc T, ông Phạm Hoàng K và bà Hà Thị Kim A.

[2] Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất chia di sản của cụ T10, cụ S để lại bao gồm: Một phần đất có tổng diện tích 444,1 m² thuộc thửa 91 và thửa 66, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Trị giá di sản là 338.999.973 đồng (Đã trừ giá trị 05 xe đất do ông T đổ trên đất tranh chấp). Trị giá mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng là 112.999.991 đồng. Các đương sự không tranh chấp đối với các tài sản khác hiện do ông K đang quản lý, sử dụng bao gồm : 01 căn nhà ngói xưa và các vật dụng gồm 01 tủ thờ bằng gỗ; 01 li văng bằng gỗ; 01 bộ ván gò 03 tấm và 01 bộ ván gò 02 tấm

[3] Các đương sự thỏa thuận chia thừa kế như sau:

[3.1] Chia cho bà Hà Thị Kim A được hưởng phần đất diện tích 321,6 m², thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 24 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, thuộc loại đất trồng cây lâu năm, xã loại 2, vị trí 1 ven khu dân cư, trị giá 249.835.603 đồng. Đất có sơ đồ và tứ cận:

- + Phía Đông giáp đất ông E, dài 21,84 m;
- + Phía Tây giáp đất ông K, dài 23,9 m;
- + Phía Nam giáp đất ông P, dài 16,82 m;
- + Phía Bắc giáp đất ông T1, bà A dài 11,55 m.

Phần đất này hiện do ông T, bà Bé quản lý nên ông T, bà Bé có trách nhiệm giao lại cho bà A.

Bà A được sở hữu các tài sản gắn liền với đất gồm: 01 bụi tre măng tông khoảng 40 cây; 01 cây mít đường kính 10 cm (03 năm tuổi); chuối khoảng 10 cây; tầm vông khoảng 100 cây; 01 cây hồng quân trên 10 năm tuổi (đường kính 30 cm); 01 cây lồng mứt đường kính 20 cm; 02 cây lồng mứt đường kính mỗi cây 30 cm; 01 cây mắ đường kính 10 cm; 01 cây lồng mứt đường kính 10 cm; 01 cây vú sữa đường kính 20 cm (10 năm tuổi).

Bà A có trách nhiệm thanh toán lại cho ông K và ông T số tiền 136.835.612 đồng; trong đó giao cho ông K số tiền 112.999.991 đồng; giao cho ông T số tiền 23.835.621 đồng.

[3.2] Chia cho ông Hà Ngọc T được quyền sử dụng phần đất diện tích 122,5 m² (trong đó có 57 m² nằm trong lộ giới quy hoạch), thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 24 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, thuộc loại đất trồng cây lâu năm, vị trí ven đường 787, xã loại 2 do ông T đang quản lý, sử dụng. Phần đất hình tam giác, có sơ đồ kèm theo. Đất trị giá 95.164.370 đồng.

Ông T được quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất gồm: 01 cây lồng mứt đường kính 30 cm; 01 cây lồng mứt đường kính 20 cm; 01 cây lồng mứt đường kính 15 cm; 01 cây bưởi khoảng 10 năm tuổi.

Ông T được nhận số tiền 23.835.621 đồng do bà A giao lại.

[3.3] Chia cho ông Phạm Hoàng K trị giá kỷ phần thừa kế được hưởng là 112.999.991 đồng, do bà Hà Thị Kim A thanh toán lại.

[4] Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[5] Do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DSST ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 và Khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Riêng ông Hà Ngọc T, sinh ngày 03/8/1958 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hà Ngọc T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm;
- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau:

2.1/ Chia cho bà Hà Thị Kim A được hưởng phần đất diện tích 321,6 m², thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 24 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, thuộc loại đất trồng cây lâu năm, xã loại 2, vị trí 1 ven khu dân cư, trị giá 249.835.603 đồng. Đất có sơ đồ và tứ cận:

- + Phía Đông giáp đất ông E, dài 21,84 m;
- + Phía Tây giáp đất ông K, dài 23,9 m;
- + Phía Nam giáp đất ông P, dài 16,82 m;
- + Phía Bắc giáp đất ông T1, bà A dài 11,55 m.

Phần đất này hiện do ông T, bà Bé quản lý nên ông T, bà Bé có trách nhiệm giao lại cho bà A.

Bà A được sở hữu các tài sản gắn liền với đất gồm: 01 bụi tre mạnh tông khoảng 40 cây; 01 cây mít đường kính 10 cm (03 năm tuổi); chuối khoảng 10 cây; tầm vông khoảng 100 cây; 01 cây hồng quân trên 10 năm tuổi (đường kính 30 cm); 01 cây lồng mứt đường kính 20 cm; 02 cây lồng mứt đường kính mỗi cây 30 cm; 01 cây mắm đường kính 10 cm; 01 cây lồng mứt đường kính 10 cm; 01 cây vú sữa đường kính 20 cm (10 năm tuổi).

Bà A có trách nhiệm thanh toán lại cho ông K và ông T số tiền 136.835.612 đồng; trong đó giao cho ông K số tiền 112.999.991 đồng; giao cho ông T số tiền 23.835.621 đồng.

2.2/ Chia cho ông Hà Ngọc T được quyền sử dụng phần đất diện tích 122,5 m² (trong đó có 57 m² nằm trong lộ giới quy hoạch), thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 24 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, thuộc loại đất trồng cây lâu năm, vị trí ven đường 787, xã loại 2 do ông T đang quản lý, sử dụng. Phần đất có hình tam giác và có sơ đồ kèm theo. Đất trị giá 95.164.370 đồng.

Ông T được quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất gồm: 01 cây lồng mứt đường kính 30 cm; 01 cây lồng mứt đường kính 20 cm; 01 cây lồng mứt đường kính 15 cm; 01 cây bưởi khoảng 10 năm tuổi.

Ông T được nhận số tiền 23.835.621 đồng do bà A giao lại.

2.3/ Chia cho ông Phạm Hoàng K trị giá kỷ phần thừa kế được hưởng là 112.999.991 đồng, do bà Hà Thị Kim A thanh toán lại.

3. Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp: Ghi nhận ông Phạm Hoàng K tự nguyện chịu số tiền 1.400.000 (Một triệu bốn trăm nghìn) đồng (ông K đã nộp và thanh toán xong).

5. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Phạm Hoàng K phải chịu 5.650.000 (Năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008939 ngày 08-6-2017 của Chi cục thi hành dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; ông K còn phải nộp thêm 3.150.000 (Ba triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Ông Hà Ngọc T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm; Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho ông T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 833.000 (Tám trăm ba mươi ba nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009427 ngày 21-11-2017 của Chi cục thi hành dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Hà Thị Kim A phải chịu 5.650.000 (Năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 1.666.000 (Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009421 ngày 20-11-2017 của Chi cục thi hành dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; bà A còn phải nộp thêm 3.984.000 (Ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

6. Về án phí phúc thẩm:

- Ông Phạm Hoàng K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số:

0016452 ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Ông K đã nộp xong.

- Bà Hà Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0016457 ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Bà A đã nộp xong.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Kim Sang